TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2023/DS-PT
Ngày: 04-5-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Các thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn
Bà Nguyễn Thị Thuý

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng - Thư ký viên

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:**
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 632/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Toà án nhân dân huyện BV13, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2023/QĐ-PT ngày 8 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV V1** (V1).

Địa chỉ: Số 22 HV3, phường LTT4, quận HK5, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng N2 (N2). Theo Hợp đồng ủy quyền số 2003/2020/UQ.V1-N2 ngày 07/12/2020.

Địa chỉ: 28C-28D BT6, phường HB7, quận HK5, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà BTTH8 – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà NTPT9 - Chức vụ: Trưởng phòng Tố tụng Xử lý nợ - Trung tâm Xử lý nợ Ngân hàng N2. Theo Giấy ủy quyền số 102/2022/UQ-CTHĐQT ngày 03/10/2022 của Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Lê Phương Uyên, ông Hồ Trọng Nghĩa, bà Lê Ngọc Linh – Chuyên viên xử lý nợ-Trung tâm xử lý nợ-Ngân hàng N2. Theo Giấy ủy quyền số 126C/2023/UQ-N2 ngày 07/4/2023. Địa chỉ: 28C-28D BT6, phường HB7, quận HK5, Hà Nội. *Ông Nghĩa, bà Linh vắng mặt; bà Uyên có mặt.*

Bị đơn: Ông **NHD10**, sinh năm 1959; *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn YT11, xã TL12, huyện BV13, TP. Hà Nội

Do có kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH MTV V1 (V1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH MTV V1 (V1) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/4/2018, ông NHD10 cùng với Ngân hàng N2 (sau đây viết tắt là N2)-Chi nhánh Hà Nội đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 151/18/HĐCV-9332, theo đó khách hàng đã vay N2 cụ thể như sau: Số tiền vay: 3.235.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn)*; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 05 chiếc xe ô tô tải VEAM VB980; Ngày nhận nợ: 24/4/2018; Thời hạn vay: 72 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất vay kỳ đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến hết ngày 23/4/2019 là 8,5%/năm; Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng (+) biên độ 4,0%/năm. Lãi suất cơ sở theo quy định của N2 trong từng thời kỳ. Lãi suất cơ sở là chi phí huy động vốn của Ngân hàng, được xác định trong từng thời kỳ. Biên độ là phần bù đắp cho chi phí và lợi nhuận kỳ vọng của Ngân hàng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, khách hàng đã thế chấp tài sản bảo đảm là: 05 xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM VB980, 02 chỗ ngồi, trọng tải 15990 kg, tên chủ xe là NHD10, cụ thể:

TT	Biển kiểm soát	Màu sơn	Số khung	Số máy	Số Đăng ký xe	Nơi cấp	Ngày cấp
1	29C-888.29	Cam	RN1J1D245GTG01820	E0557608	460512	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an TP	20/4/2018
2	29C-886.18	Trắng	RN1J1D247GTG01916	E0557664	460508		
3	29C-888.28	Trắng	RN1J1D242GTG01967	E0557427	460509		
4	29C-888.46	Cam	RN1J1D246GTG01969	E0557369	460511		

5	29C-888.19	Trắng	RN1J1D242GTG01953	E0557341	460510	Hà Nội	

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 151/18/HĐTC-9332 ngày 24/4/2018 và được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 24/4/2018 theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông NHD10 đã thanh toán cho N2 tổng số tiền là 140.317.692 đồng, trong đó: nợ gốc là 89.860.000 đồng, nợ lãi là 50.457.692 đồng. Sau đó vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi cho N2. N2 đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm theo đúng quy định nhưng ông NHD10 vẫn không thực hiện theo yêu cầu.

Ngày 07/12/2020, bên mua nợ là Công ty TNHH MTV V1 (sau đây viết tắt là V1) và N2 đã cùng ký kết Hợp đồng mua, bán nợ số 2002/2020/MBN.V1-N2 để thực hiện mua bán khoản nợ nêu trên.

Từ những nội dung đã trình bày trên, Công ty TNHH MTV V1 (V1) khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện BV13 xem xét giải quyết:

1. Buộc ông NHD10 thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 19/8/2022 là 5.230.773.873 đồng *(Bằng chữ: Năm tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng)*, trong đó: nợ gốc 3.145.140.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 993.338.033 đồng, nợ lãi quá hạn là 821.880.177 đồng, lãi phạt chậm trả là 270.415.663 đồng theo Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 151/18/HĐCV-9332 ký ngày 24/4/2018.

2. Buộc ông NHD10 thanh toán cho V1 số tiền lãi phát sinh từ ngày 20/8/2022 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 151/18/HĐCV-9332 ký ngày 24/4/2018 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp ông NHD10 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, đề nghị Tòa án tuyên V1 được yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho V1. Tài sản bảo đảm là: 05 xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM VB980, 02 chỗ ngồi, trọng tải 15990 kg, tên chủ xe là NHD10, cụ thể:

TT	**Biển kiểm soát**	**Màu sơn**	**Số khung**	**Số máy**	**Số Đăng ký xe**	**Nơi cấp**	**Ngày cấp**
1	29C-888.29	Cam	RN1J1D245GTG01820	E0557608	460512	Phòng Cảnh	20/4/2018

2	29C-886.18	Trắng	RN1J1D247GTG01916	E0557664	460508	sát giao thông - Công an TP Hà Nội	
3	29C-888.28	Trắng	RN1J1D242GTG01967	E0557427	460509		
4	29C-888.46	Cam	RN1J1D246GTG01969	E0557369	460511		
5	29C-888.19	Trắng	RN1J1D242GTG01953	E0557341	460510		

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông NHD10 để thu hồi khoản nợ cho V1.

5. Buộc ông NHD10 phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án./.

Phía bị đơn ông NHD10 đã được Tòa án tống đạt niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương xã TL12, huyện BV13 nơi ông NHD10 đăng ký hộ khẩu thường trú, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Ông NHD10, sinh năm 1959, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn YT11, xã TL12, huyện BV13, thành phố Hà Nội là con của cụ Ngô Thị Thanh, ông D10 chưa kết hôn với ai. Trước đây, ông D10 có nhà ở, làm ăn sinh sống tại địa phương. Thông tin qua dư luận nhân dân thì ông NHD10 làm ăn vỡ nợ, nhà đất bị xiết nợ, không còn tài sản gì. Sau khi mẹ ông D10 chết, từ năm 2020 đến nay ông D10 không còn sinh sống tại địa phương. Việc ông D10 đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không nắm được do ông D10 không khai báo, không đăng ký tạm vắng. Việc ông D10 vay tín dụng, thế chấp xe ô tô với Ngân hàng như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được do khi xác lập giao dịch các bên đều không thông qua chính quyền. Quá trình Tòa án làm việc, niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông NHD10 tại địa phương người thân là em ruột của ông D10 cho biết gia đình không có thông tin liên lạc gì của ông D10, các xe ô tô ông D10 làm ăn người thân không biết ông D10 giao cho ai hay gửi giữ ở đâu, tại địa phương không có thông tin về tài sản là các xe ô tô của ông D10.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Toà án nhân dân huyện BV13, thành phố Hà Nội xử:

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV V1 (V1).

Buộc ông NHD10 phải trả cho Công ty TNHH MTV V1 (V1) là nợ gốc 3.145.140.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 993.338.033 đồng, nợ lãi quá hạn là 821.880.177 đồng. Tổng cộng là: 4.960.358.210 đồng (*Bốn tỉ chín trăm sáu mươi triệu ba trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV V1 (V1) yêu cầu ông NHD10 phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 270.415.663đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 20/8/2022, ông NHD10 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 151/18/HĐCV-9332 ký ngày 24/4/2018.

Trường hợp ông NHD10 không trả nợ, trả nợ không đầy đủ thì Công ty TNHH MTV V1 (V1) có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án phát mại tài sản thế chấp là 05 xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM VB980, 02 chỗ ngồi, trọng tải 15990 kg, tên chủ xe là NHD10, gồm:

TT	Biển kiểm soát	Màu sơn	Số khung	Số máy	Số Đăng ký xe	Nơi cấp	Ngày cấp
1	29C-888.29	Cam	RN1J1D245GTG01820	E0557608	460512	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội	20/4/2018
2	29C-886.18	Trắng	RN1J1D247GTG01916	E0557664	460508		
3	29C-888.28	Trắng	RN1J1D242GTG01967	E0557427	460509		
4	29C-888.46	Cam	RN1J1D246GTG01969	E0557369	460511		
5	29C-888.19	Trắng	RN1J1D242GTG01953	E0557341	460510		

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH MTV V1 (V1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông NHD10 để thu hồi khoản nợ cho Công ty TNHH MTV V1 (V1).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án, quyền kháng cáo của các

đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo một phần quyết định bản án sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Toà án nhân dân huyện BV13 với nội dung số tiền lãi chậm trả lãi của khoản nợ.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa một phần nội dung quyết định trong bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Buộc ông NHD10 thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 19/8/2022 là 5.230.773.873 đồng, trong đó nợ gốc 3.145.140.000 đồng, nợ lãi trong hạn 993.338.033 đồng, nợ lãi quá hạn là 821.880.177 đồng, lãi phạt chậm trả là 270.415.663 đồng theo Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 151/18/HĐCV-9332 ký ngày 24/4/2018;

2. Buộc ông NHD10 thanh toán cho V1 số tiền lãi phát sinh từ ngày 20/8/2022 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 151/18/HĐCV-9332 ký ngày 24/4/2018 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ;

3. Hoàn trả cho V1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như cấp sơ thẩm; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các bước tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ vào bản kê của ngân hàng và cho rằng nguyên đơn đã áp dụng cùng lúc hai mức lãi suất trong hạn theo thoả thuận và mức lãi suất quá hạn bằng 50% mức lãi suất trong hạn là không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư 39. Trên cơ sở tính lãi trong hạn đối với khoản vay quá hạn từ ngày 25/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngân hàng đề nghị áp dụng lãi trên lãi trong hạn chậm trả là không đúng; đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn chưa trả từ ngày 25/5/2018 trở về trước tương ứng với thời gian chậm trả; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc trả lãi của lãi trong hạn chưa trả từ ngày 25/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm và căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện BV13, thành phố Hà Nội theo hướng phân

tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV V1 (V1) kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử theo quy định.

[2] ***Về nội dung:***

Hội đồng xét xử nhận định:

Mặc dù bị đơn vắng mặt không thể hiện quan điểm nhưng với những tài liệu chứng cứ của V1 đưa ra đầy đủ có cơ sở để xác định: Ngày 24/4/2018, ông NHD10 ký hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng N2 số tiền 3.235.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn)*; Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là 05 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 151/18/HĐTC-9332 ngày 24/4/2018 và được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 24/4/2018 theo quy định.

Hợp đồng được ký kết giữa các bên có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch bảo đảm, phù hợp với các quy định tại Điều 298, 317 Bộ luật dân sự năm 2015

Vì vậy, hợp đồng nêu trên có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Ông NHD10 đã vi phạm thời hạn trả nợ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng từ ngày 25/4/2019. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, ra thông báo nhưng ông D10 vẫn không thực hiện trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 07/12/2020, Ngân hàng N2 bán nợ cho Công ty TNHH MTV V1 khoản nợ của ông NHD10. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông NHD10 phải thanh toán tiền gốc, lãi cho Ngân hàng từ ngày 25/4/2019 và việc tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng là có cơ sở đúng pháp luật. Tính đến ngày 19/8/2022 ông NHD10 còn nợ số tiền gốc là nợ gốc 3.145.140.000 đồng, nợ lãi

trong hạn là 993.338.033 đồng, nợ lãi quá hạn là 821.880.177 đồng. Do đó, buộc ông NHD10 phải trả cho Công ty TNHH MTV V1 (V1) số tiền 4.960.358.210đ.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV V1 (V1) yêu cầu ông NHD10 phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 270.415.663đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về yêu cầu tính lãi chậm trả:*

Tại khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ quy định các khoản phải trả theo hợp đồng cho vay này bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi ….. các loại phí liên quan đến hợp đồng này.

Như đã phân tích ở trên Hợp đồng được ký kết giữa các bên có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Vì vậy, hợp đồng nêu trên có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Mặt khác tại Điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 8 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định rõ về việc trả lãi của lãi chưa trả. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên của V1 là không đúng pháp luật vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của V1. Buộc NHD10 phải trả số tiền lãi chậm trả lãi là 270.415.663đ.

Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáoV1 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện BV13, thành phố Hà Nội theo hướng phân tích trên.

[3] ***Về án phí:***

- Ông NHD10 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 385, 398, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 90, 91, 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163 ngày 29/12/2006;

- Thông tư liên tịch số 01-TT/LT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp-Bộ Tài chính; Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV V1 (V1).

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện BV13, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV V1 (V1).

Buộc ông NHD10 thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 19/8/2022 là 5.230.773.873 đồng *(Bằng chữ: Năm tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng)*, trong đó: nợ gốc 3.145.140.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 993.338.033 đồng, nợ lãi quá hạn là 821.880.177 đồng, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn là 270.415.663 đồng theo Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 151/18/HĐCV-9332 ký ngày 24/4/2018.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 20/8/2022, ông NHD10 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 151/18/HĐCV-9332 ký ngày 24/4/2018.

Trường hợp ông NHD10 không trả nợ, trả nợ không đầy đủ thì Công ty TNHH MTV V1 (V1) có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án phát mại tài sản thế chấp là 05 xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM VB980, 02 chỗ ngồi, trọng tải 15990 kg, tên chủ xe là NHD10, gồm:

TT	Biển kiểm soát	Màu sơn	Số khung	Số máy	Số Đăng ký xe	Nơi cấp	Ngày cấp
1	29C-888.29	Cam	RN1J1D245GTG01820	E0557608	460512	Phòng Cảnh sát	20/4/2018
2	29C-	Trắng	RN1J1D247GTG01916	E0557664	460508		

	886.18					giao thông - Công an TP Hà Nội	
3	29C-888.28	Trắng	RN1J1D242GTG01967	E0557427	460509		
4	29C-888.46	Cam	RN1J1D246GTG01969	E0557369	460511		
5	29C-888.19	Trắng	RN1J1D242GTG01953	E0557341	460510		

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH MTV V1 (V1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông NHD10 để thu hồi khoản nợ cho Công ty TNHH MTV V1 (V1).

3. Về án phí:

Ông NHD10 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.230.733 đồng (*Một trăm mười ba triệu, hai trăm ba mươi nghìn, bảy trăm ba ba đồng*).

Công ty TNHH MTV V1 (V1) được nhận lại số tiền 56.110.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, một trăm mười nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0059846 ngày 19/11/2021 và số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006039 ngày 29/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BV13.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND huyện BV13;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện BV13;
- Lưu HS, VP.